

## **KẾ HOẠCH**

**Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch số 427/KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển giường bệnh của các cơ sở y tế  
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030**

### **I. CĂN CỨ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH**

Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Kế hoạch số 17-KH/TU ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW;

Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030;

Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Kế hoạch số 427/KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển giường bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ tình hình thực tế và theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 9031/TTr-SYT ngày 21 tháng 10 năm 2026; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 10079/STC-TCHCSN ngày 20 tháng 10 năm 2026, Sở Nội vụ tại Công văn số 7757/SNV-TCCC ngày 18 tháng 10 năm 2026 và Sở Xây dựng tại Công văn số 10226/SXD-ĐTXD ngày 17 tháng 10 năm 2026.

### **II. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**

**1. Điều chỉnh số giường bệnh dự kiến đến năm 2030 của 19 cơ sở y tế công lập tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch số 427/KH-UBND**

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

Sau điều chỉnh, tổng số giường bệnh dự kiến đến năm 2030 của hệ thống y tế công lập là 11.482 giường (tăng 1.075 giường); toàn tỉnh là 12.277 giường.

**2.** Quy mô giường bệnh tại Phụ lục là quy mô dự kiến, làm cơ sở định hướng phát triển chuyên môn kỹ thuật, nhân lực và chuẩn bị đầu tư; không thay thế các thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo pháp luật về đầu tư công, xây dựng và việc cấp phép, điều chỉnh quy mô giường bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Việc giao giường bệnh kế hoạch hằng năm thực hiện theo lộ trình, căn cứ công suất sử dụng giường bệnh thực tế, khả năng bảo đảm nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn lực tài chính.

**3.** Số giường bệnh của các cơ sở y tế không có tên tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này và các nội dung khác của Kế hoạch số 427/KH-UBND giữ nguyên hiệu lực.

**4.** Trường hợp cơ sở y tế có thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, thực hiện sáp nhập, giải thể hoặc chuyển đổi công năng theo quyết định của cấp có thẩm quyền, quy mô giường bệnh tại Phụ lục được cập nhật tương ứng với tổ chức mới trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không làm thay đổi mục tiêu chung của Kế hoạch. Trường hợp phát sinh nội dung vượt phạm vi điều chỉnh nêu trên, thực hiện rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Y tế**

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, cơ sở đề xuất điều chỉnh quy mô giường bệnh của từng cơ sở y tế.

Chỉ đạo các cơ sở y tế xây dựng lộ trình tăng giường bệnh hằng năm gắn với kế hoạch phát triển chuyên môn kỹ thuật, nhân lực, cơ sở vật chất; chỉ tăng giường bệnh kế hoạch đối với cơ sở có công suất sử dụng giường bệnh thực tế bảo đảm yêu cầu và đủ điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị; xây dựng phương án nhân lực tương ứng với lộ trình tăng giường bệnh, trên cơ sở hiện trạng nhân lực, nhu cầu đào tạo, tuyển dụng và mức độ tự chủ tài chính của đơn vị; đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên cân đối, bố trí nhân lực trong phạm vi số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao, không đề xuất tăng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do tăng giường bệnh kế hoạch.

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát, cập nhật nhu cầu phát triển cơ sở y tế trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn; theo dõi, đánh giá việc thực hiện mục tiêu giường bệnh/10.000 dân; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường hợp cơ sở y tế thay đổi tên gọi, mô hình tổ chức, sáp nhập, giải thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền, Sở Y tế cập nhật quy mô giường bệnh, bảo đảm không làm tăng tổng số giường bệnh đã được phê duyệt.

## **2. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và dự toán ngân sách hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách, thứ tự ưu tiên và quy định của pháp luật để đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho các cơ sở y tế công lập. Đồng thời, phối hợp nghiên cứu, tham mưu cơ chế, chính sách phù hợp nhằm khuyến khích phát triển cơ sở y tế ngoài công lập và huy động nguồn lực xã hội, trong đó có hình thức hợp tác công - tư trong lĩnh vực y tế theo quy định.

## **3. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Y tế rà soát nhu cầu, khả năng bố trí số lượng người làm việc tại các cơ sở y tế công lập phù hợp với quy mô giường bệnh được điều chỉnh, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu thực tế; tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

## **4. Sở Xây dựng**

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát sự phù hợp của quy hoạch, phương án bố trí mặt bằng và các dự án đầu tư xây dựng cơ sở y tế với định hướng phát triển quy mô giường bệnh được điều chỉnh; hướng dẫn, phối hợp giải quyết các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

## **5. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

Rà soát, đề xuất bố trí quỹ đất phù hợp để phát triển cơ sở y tế công lập trên địa bàn theo quy hoạch và quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới và mở rộng quy mô giường bệnh. Đồng thời, phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư, phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập phù hợp với quy hoạch, nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của người dân và quy định của pháp luật./.

### **Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: YT, TC, NV, XD;
- UBND các xã, phường;
- VPUBND: CVP, các PCVP;
- Lưu VT, KGVX (Trung).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Minh Tuấn**



## Phụ lục

**ĐIỀU CHỈNH SỐ GIƯỜNG BỆNH DỰ KIẾN ĐẾN NĂM 2030 CỦA CÁC CƠ SỞ Y TẾ**

*(Kèm theo Kế hoạch số 1601/KH-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| STT | Tên đơn vị                            | Số giường kế hoạch năm 2025 | Số giường thực kê cuối năm 2025 | Số giường đến năm 2030 theo KH 427 | Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) | Số giường dự kiến đến năm 2030 (sau điều chỉnh) |
|-----|---------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|
| 1   | Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp           | 1.000                       | 1.500                           | 1.300                              | -100                          | <b>1.200</b>                                    |
| 2   | Bệnh viện Sản Nhi Đồng Tháp           | -                           | -                               | 180                                | +300                          | <b>480</b>                                      |
| 3   | Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự    | 300                         | 457                             | 500                                | +200                          | <b>700</b>                                      |
| 4   | Bệnh viện Phục hồi chức năng          | 120                         | 210                             | 130                                | +70                           | <b>200</b>                                      |
| 5   | Bệnh viện Tâm thần Đồng Tháp          | 144                         | 165                             | 164                                | +36                           | <b>200</b>                                      |
| 6   | Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp   | 280                         | 384                             | 300                                | +50                           | <b>350</b>                                      |
| 7   | Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang          | 1.350                       | 1.614                           | 1.750                              | +175                          | <b>1.925</b>                                    |
| 8   | Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công     | 300                         | 329                             | 300                                | +50                           | <b>350</b>                                      |
| 9   | Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy     | 495                         | 525                             | 620                                | +30                           | <b>650</b>                                      |
| 10  | Bệnh viện Y học cổ truyền Tiền Giang  | 120                         | 131                             | 120                                | +30                           | <b>150</b>                                      |
| 11  | Bệnh viện Mắt Tiền Giang              | 50                          | 50                              | 60                                 | +10                           | <b>70</b>                                       |
| 12  | Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang         | 274                         | 327                             | 284                                | +116                          | <b>400</b>                                      |
| 13  | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tiền Giang | 60                          | 219                             | 75                                 | +23                           | <b>98</b>                                       |
| 14  | Trung tâm Y tế khu vực Mỹ Tho         | 50                          | 50                              | 50                                 | +50                           | <b>100</b>                                      |
| 15  | Trung tâm Y tế khu vực Chợ Gạo        | 110                         | 140                             | 110                                | +30                           | <b>140</b>                                      |
| 16  | Trung tâm Y tế khu vực Gò Công Đông   | 150                         | 150                             | 150                                | -50                           | <b>100</b>                                      |
| 17  | Trung tâm Y tế khu vực Tân Phú Đông   | 50                          | 55                              | 50                                 | +15                           | <b>65</b>                                       |
| 18  | Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành     | 180                         | 100                             | 180                                | -30                           | <b>150</b>                                      |

| <b>STT</b>                                     | <b>Tên đơn vị</b>              | <b>Số giường kế hoạch năm 2025</b> | <b>Số giường thực kê cuối năm 2025</b> | <b>Số giường đến năm 2030 theo KH 427</b> | <b>Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)</b> | <b>Số giường dự kiến đến năm 2030 (sau điều chỉnh)</b> |
|------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 19                                             | Bệnh viện Quân Dân y Đồng Tháp | 167                                | 230                                    | 197                                       | +70                                  | <b>267</b>                                             |
| <b>Cộng 19 cơ sở điều chỉnh</b>                |                                |                                    |                                        | <b>6.520</b>                              | <b>+1.075</b>                        | <b>7.595</b>                                           |
| <b>Tổng hệ thống công lập</b>                  |                                |                                    |                                        | <b>10.407</b>                             | <b>+1.075</b>                        | <b>11.482</b>                                          |
| <b>Hệ thống bệnh viện tư nhân (giữ nguyên)</b> |                                |                                    |                                        | <b>795</b>                                | <b>0</b>                             | <b>795</b>                                             |
| <b>TOÀN TỈNH</b>                               |                                |                                    |                                        | <b>11.202</b>                             | <b>+1.075</b>                        | <b>12.277</b>                                          |